| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TỈNH V** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:42/2023/HSST
Ngày 27 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH V**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Bằng

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh V.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh V tham gia phiên toà***: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2023/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Trần Xuân Qu**, sinh ngày 28/7/1968

Nơi cư trú: Thôn Qu, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên- Nguyên Phó bí thư Đảng ủy xã Đ, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 23/5/2023 ; Chức vụ: Nguyên Chủ tịch UBND xã Đ; con ông Trần Xuân T (đã chết) và bà Lương Thị C (đã chết); vợ: Trần Thị Ph, sinh năm 1973; con: 03con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình hoạt động: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 1987- 1990. Từ năm 1990 đến năm 2019 công tác tại UBND xã Đ. Từ năm 2019 giữ chức vụ Phó bí thư Đảng ủy- Chủ tịch UBND xã Đ

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2022, tại ngoại tại địa phương có mặt tại phiên tòa.

**2. Lộc Thị Bích Th**, sinh ngày 20/6/1989

Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 23/5/2023; Chức vụ: Nguyên công chức tài chính- kế toán xã Đ (Nay là Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã Đ); con ông: Lộc Đức Th, sinh năm1958 và bà Triệu Thị L, sinh năm 1957; Chồng: Dương Thái S, sinh năm 1984; con: 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động: Từ năm 2014-2017 Cán bộ Văn hoá xã hội xã; từ năm 2018-2019 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Đ; từ năm 2019-2021 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm công chức Tài chính-Kế toán xã Đ; từ 2021 đến nay Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Đ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2022, tại ngoại tại địa phương có mặt tại phiên tòa.

**3. Khổng Thị Thu Ph**, sinh năm 23/7/1989.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh V.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông: Khổng Văn C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Bá T, sinh năm 1986; con: 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/4/2023, tại ngoại tại địa phương có mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:*

Chị Triệu Thị Thu Th, sinh năm 1982, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

Anh Trần Quốc V, sinh năm 1965, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1972, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Đ, huyện S, tỉnh V.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2020, Trần Xuân Qu đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ đã giao nhiệm vụ cho Triệu Thị Thu Th, sinh năm 1982- Cán bộ công chức Văn hóa xã hội xã Đ tổ chức hoạt động thông tin tuyên truyền (mừng Đảng, mừng xuân; ngày giải phóng miền Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày pháp luật Việt Nam...). Sau khi triển khai các nội dung, chị Th có giấy đề nghị thanh toán theo số tiền thực tế (đúng quy định). Để nhằm rút tiền từ ngân sách Nhà nước chi tiêu vào các mục như quà Tết cho cán bộ thuộc UBND xã, ăn uống, đi du lịch Trần Xuân Qu đã chỉ đạo Lộc Thị Bích Thu, sinh năm 1989- Công chức Tài chính- Kế toán xã Đ dựa trên các giấy đề nghị thanh toán của chị Th, tự liên hệ mua hoá đơn khống sao cho số tiền lớn hơn thực tế đã chi cho chị Th để lấy tiền chênh lệch. Sau khi được Qu chỉ đạo, Lộc Thị Bích Thu đã trực tiếp gặp trao đổi với Khổng Thị Thu Ph, sinh năm 1989 ở xã Y-S là chủ cửa hàng kinh doanh văn phòng phẩm tại thị trấn T-S đặt vấn đề mua khống hoá đơn để rút ngân sách Nhà nước, Ph đồng ý và thoả thuận với Thu mỗi hoá đơn chi trả cho Ph 6% giá trị. Sau khi mua được hoá đơn của Ph, Thu làm chứng từ cho Qu ký, trình Kho bạc Nhà nước huyện S duyệt. Kho bạc Nhà nước huyện S đối chiếu theo đúng quy định và đã chuyển tiền vào tài khoản cho Ph, Ph rút tiền ra và chuyển lại cho Thu (sau khi đã trừ 6% giá trị mỗi hoá đơn theo thoả thuận).

Bằng thủ đoạn trên, Qu đã chỉ đạo Thu mua 08 hoá đơn của Ph gồm:

+ Số 0056807 ngày 14/01/2020 với tổng số tiền ghi trong hóa đơn là **19.250.000** đồng (thực tế chi cho chị Thu thực hiện hết **8.738.000** đồng), trả cho Ph 1.155.000đồng.

+ Số 0053963 ngày 28/4/2020, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là **9.750.000đồng** (thực tế chi cho chị Th thực hiện hết **1.440.000** đồng) và chi trả Ph 585.000 đồng.

+ Số 0054771 ngày 27/7/2020, với tổng số tiền ghi trong hoá đơn là **8.295.000** đồng (thực tế chi cho chị Thu thực hiện hết **2.880.000** đồng) và chi trả cho Ph 497.700 đồng.

+ Số 0097181 ngày 18/9/2020, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là **9.480.000** đồng ( thực tế chi cho chị Thu thực hiện hết **4.260.000** đồng) và chi trả cho Ph 568.800 đồng.

+ Số 0098760 ngày 28/12/2020, với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là **14.450.000** đồng (thực tế chi cho chị Ph thực hiện hết số tiền 5.000.000 đồng ) và chi trả cho Ph tương đương 867.000 đồng.

+ Số 0097173 ngày 10/9/2020, tuy nhiên Thu không làm hồ sơ chứng từ quyết toán vì có nội dung hàng hóa, dịch vụ trùng với hóa đơn số 0054771 ngày 27/7/2020 (đều là Băng zôn *Tuyên truyền kỷ niệm 73 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1947-27/7/2020*).

+ Số 0056827 ngày 17/01/2020 (tổng số tiền ghi trong hóa đơn là 9.875.000 đồng) và hóa đơn số 0098763 ngày 28/12/2020 (tổng số tiền ghi trong hóa đơn là 11.900.000 đồng) để rút dự toán ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, giấy đề nghị thanh toán do chị Thúy thực hiện mua các hàng hoá đã bị thất lạc nên không có tài liệu để đối chiếu, không xác định được chênh lệch giữa hoá đơn mua của Ph (chưa xác định được thiệt hại). (từ BL số 233 đến số 601).

Tại kết luận giám định số 06-2022/KL-GĐTC ngày 14/11/2022 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính-Kế toán (Sở tài chính V), kết luận:

*UBND xã Đ, chi, mua hóa đơn, thanh quyết toán ngân sách Nhà nước như trên là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm trong lĩnh vực về Kế toán.*

*- Hành vi này vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật kế toán năm 2015:*

*"1. Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán.*

*2. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận, thông tin, số liệu kế toán sai sự thật".*

*Vì hóa đơn là thành phần chứng từ kế toán theo quy định tại:*

*Khoản 1 Điều 20 Luật kế toán năm 2015 như sau: "1. Hóa đơn là chứng từ do người bán lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật."*

*Hành vi của các cá nhân nêu trên có gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là **38.907.000đồng** (Tổng số tiền ghi khống trên các hóa đơn).*

Như vậy, tổng số tiền chênh lệch giữa rút dự toán ngân sách Nhà nước với số tiền thực tế chi là **38.907.000** đồng (05/07 bộ hồ sơ chứng từ), sau khi chi trả 6% cho Khổng Thị Thu Ph (3.673.500 đồng) còn lại số tiền **35.233.500**đồng Trần Xuân Qu chỉ đạo Lộc Thị Bích Th nhập vào quỹ của xã để phục vụ các khoản chi khác không

thuộc danh mục được chi theo quy định như: Tiếp khách, du lịch, quà Tết cho cán bộ UBND xã Đ (mỗi người được khoảng 450.000đ đến 1.000.000đ tuỳ theo chức vụ, bản thân Qu được khoảng 1.000.000đ).

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSLT ngày 16 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ " theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 xử phạt bị cáo Trần Xuân Qu từ 15 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ, về hình phạt bổ sung: cấm bị cáo Qu đảm nhiệm chức vụ quản lý tài chính trong thời hạn 02 năm; Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph bị khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra, Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Riêng bị cáo Trần Xuân Qu không đồng ý với Bản cáo trạng nói bị cáo là người chỉ đạo Lộc Thị Bích Th liên hệ mua hóa đơn ghi khống số lượng hàng hóa là không đúng. Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ là người chỉ đạo chung mọi công việc của UBND xã Đ. Đối với công tác tài chính, khi Th làm chứng từ kế toán và đưa cho bị cao ký, bị cáo là chủ tài khoản nên bị cáo xem xét và ký các chứng từ kế toán để Th là thủ tục rút tiền tại kho bạc. Bị cáo không trực tiếp chỉ đạo Th mua hóa đơn nâng khống giá trị để rút tiền mà việc đó do kế toán tự làm và bị cáo chỉ là người ký, bị cáo có biết về số tiền chênh lệch giữa chi thực tế và số tiền trong hóa đơn để rút từ kho bạc về. Còn số tiền chênh lệch khi rút từ kho bạc về, bị cáo là người chỉ đạo việc chi cho cán bộ trong cơ quan. Đối với bản luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Trần Xuân Qu: Bị cáo kiểm điểm sâu sắc về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét, chiếu cố quá trình công tác của bị cáo cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo Lộc Thị Bích Th: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị cáo: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Bích Ph đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo thừa nhận: Trong năm 2020, Trần Xuân Qu, khi đó giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Đ có chỉ đạo chung công tác hoạt động của UBND xã Đ, trong đó có công tác tài chính kế toán. Bị cáo Qu đã chỉ đạo Lộc Thị Bích Th- Là công chức Tài chính kế toán xã Đ liên hệ mua nhiều hóa đơn ghi khống số lượng hàng hóa, dịch vụ của Khổng Thị Thu Ph là hộ kinh doanh, để làm chứng từ rút ngân sách Nhà nước để chi vào các khoản như quà tết cho cán bộ, ăn uống… Tổng số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 38.907.000đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân vào cơ quan Nhà nước.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Bích Ph phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn

trong khi thi hành công vụ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định:

*"1. Người nào vì vụ lợi ... mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng ...của Nhà nước ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm."*

Trần Xuân Qu và Lộc Thị Bích Th là người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vào chức vụ của mình để thực hiện hành vi gây thiệt hại ngân sách Nhà nước. Khổng Thị Thu Ph tuy không có chức vụ, quyền hạn nhưng đã thống nhất với Th, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã trực tiếp sử dụng tài khoản của mình để rút ngân sách Nhà nước, nên các bị cáo là đồng phạm trong vụ án.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Xuân Qu là người có vai trò chủ mưu, khởi sướng ra việc mua hóa đơn viết chứng từ nâng khống giá trị nên bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Tại phiên tòa, bị cáo Qu cho rằng, bị cáo không trực tiếp chỉ đạo Th mua hóa đơn mua chứng từ nâng khống giá trị, nhưng bị cáo thừa nhận bị cáo là người chỉ đạo chung mọi hoạt động của UBND xã Đ, trong đó có cả công tác tài chính kế toán. Bị cáo cho rằng bị cáo không chỉ đạo Th trực tiếp mua hóa đơn, nhưng bị cáo thừa nhận bị cáo biết việc chi thực tế và việc làm chứng từ hóa đơn chứng từ để rút tiền có sực chênh lệch và bị cáo là người chỉ đạo việc chi tiền từ số tiền chênh lệch đó. Nên bị cáo cho rằng bị cáo không trực tiếp chỉ đạo thể hiện sự quanh co, trốn tránh trách nhiệm. Đối với bị cáo Lộc Thị Bích Th là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo có vai trò thứ hai. Bị cáo Khổng Thị Thu Ph là đồng phạm với vai trò giúp sức tham gia việc phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Xuân Qu: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về những hành vi của mình, ăn năn hối cải, nhưng chưa nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra (18.907.000đồng); bị cáo có thời gian hoạt động trong quân đội; quá trình công tác bị cáo được tặng nhiều Bằng khen, chiến sỹ thi đua cơ sở, Huy chương chiến sỹ vẻ vang, bố đẻ bị cáo được tặng thưởng nhiều

Huân Huy chương, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Xét thấy, đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Qu là chưa đủ sức răn đe, giáo dục với bị cáo, nên cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, như vậy mới có tác dụng để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Qu đảm nhiệm chức vụ quản lý tài chính- kế toán trong một thời gian.

Bị cáo Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình công tác và lao động bị cáo Th và bị cáo Ph được tặng nhiều Giấy khen, các bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, (bị cáo Th nộp 20.000.000đồng, bị cáo Ph 3.674.000đồng) đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, xét thấy, chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án cải tạo không giam giữ, như vậy đã có tác dụng cần thiết để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị Ph- Bí thư Đảng ủy, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn H (đều là Ủy viên Ban thường vụ), Nguyễn H, Nguyễn Dung H, Bùi Hùng M, Lộc Đức Ch, Trần Xuân B, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Hương L, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn Đ, Nghiêm Xuân Th (đều là Đảng uỷ viên) năm 2020 được nhận tiền và quà Tết trị giá từ 450.000đồng đến 1.000.000đồng nhưng không biết nguồn gốc số tiền, không biết việc Trần Xuân Qu và Lộc Thị Bích Th mua hoá đơn khống, rút ngân sách Nhà nước nên không phạm tội, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Triệu Thị Thu Thu, thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, không được Qu và Thu bàn bạc việc viết hoá đơn rút ngân sách Nhà nước nên không phạm tội, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 38.907.000đồng bị cáo Qu, bị cáo Th đã tự nguyện giao nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 3.674.000đồng, bị cáo Ph tự nguyện giao nộp để khắc phục hẩu quả, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

Về án phí: các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph phạm tội " Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng: khoản 1, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 41; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Trần Xuân Qu 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Xuân Qu cho UBND xã Đ, huyện S, tỉnh V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Xuân Qu có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Qu đảm nhiệm chức vụ quản lý tài chính- kế toán trong thời gian 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng: khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph:

Xử phạt: bị cáo Lộc Thị Bích Th 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện S nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Th đến khi hết thời gian chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo Khổng Thị Thu Ph 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện S nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Ph đến khi hết thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Lộc Thị Bích Th cho UBND xã Đ, huyện S, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Khổng Thị Thu Ph cho UBND xã Y, huyện S, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trong trường hợp các bị cáo Th và Ph có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 38.907.000đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền: 3.674.000đồng do bị cáo Ph nộp.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Các bị Trần Xuân Qu, Lộc Thị Bích Th và Khổng Thị Thu Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh V.
- VKSND tỉnh V
- VKSND huyện S
- THA huyện S
- Công an huyện S
- Sở Tư pháp V
- Các bị cáo
- Lưu HS+Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Đã ký và đóng dấu**

**Ngô Thị Minh Hiệp**